

SẢN XUẤT VÀ SỬ DỤNG GẠCH KHÔNG NUNG TẠI VIỆT NAM: NHỮNG TỒN TẠI VÀ KHÓ KHĂN CẦN THÁO GỖ

TS Võ Quang Diệm

Dự án Tăng cường sản xuất và sử dụng gạch không nung tại Việt Nam

Chương trình phát triển vật liệu xây không nung (VLXKN) đến năm 2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 (gọi tắt là Chương trình 567) với mục tiêu thay thế dần gạch đất sét nung đạt tỷ lệ 20-25% vào năm 2015 và 30-40% vào năm 2020, nhằm tiết kiệm đất nông nghiệp, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường, giảm chi phí xử lý phế thải của các ngành công nghiệp, tiết kiệm nhiên liệu than, đem lại hiệu quả kinh tế chung cho toàn xã hội. Chương trình cũng đặt mục tiêu, hàng năm sử dụng khoảng 15-20 triệu tấn phế thải công nghiệp (tro xỉ nhiệt điện, xỉ lò cao...) để sản xuất VLXKN, tiết kiệm được khoảng 1.000 ha đất nông nghiệp và hàng trăm ha diện tích đất chứa phế thải; tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công. Tuy nhiên, sau 6 năm triển khai, việc sản xuất và sử dụng gạch không nung tại Việt Nam vẫn còn tồn tại một số khó khăn cần tháo gỡ.

Những kết quả thực hiện giai đoạn 2010-2015

Về cơ chế chính sách

Chính sách phát triển VLXKN đã được ban hành đồng bộ. Sau 2 năm thực hiện Chương trình 567, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 28/11/2012 về việc tăng cường sử dụng VLXKN và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các bộ/ngành đã ban hành các thông tư hướng dẫn; UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch để đôn đốc việc phát triển VLXKN và xây dựng lộ trình giảm dần sản xuất gạch đất sét nung thủ công trên địa bàn. Trong giai đoạn 2010-2015 đã có 35/63 tỉnh, thành phố có chỉ thị về việc xóa bỏ sản xuất gạch đất sét nung thủ công và tăng cường sử dụng VLXKN; 45/63 tỉnh, thành phố đã xây dựng kế hoạch, lộ trình xóa bỏ các lò gạch thủ công, thủ công cải tiến, lò liên tục kiểu đứng, lò vòng dùng nhiên liệu hóa

thạch; 53/63 tỉnh, thành phố đã lập quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Đã có nhiều chính sách, chế tài dưới nhiều hình thức được ban hành để vừa khuyến khích, vừa bắt buộc sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng. Trước hết phải kể đến Thông tư số 09/2012/TT-BXD về việc quy định sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng. Đây là một chế tài bắt buộc, một biện pháp mạnh, bước đầu đã phát huy tác dụng đối với các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách. Căn cứ vào quy định của Thông tư số 09, nhiều địa phương đã có nhiều sáng kiến triển khai như: kết hợp thẩm định dự toán các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách, yêu cầu và giám sát chặt chẽ việc đưa VLXKN vào sử dụng trong các công trình này, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm sử dụng VLXKN theo quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi

phạm hành chính trong xây dựng.

Đã ban hành tương đối đồng bộ quy chuẩn kỹ thuật đối với VLXKN, các tiêu chuẩn sản phẩm, tiêu chuẩn phương pháp thử cho gạch bê tông, gạch bê tông khí trung áp (AAC), gạch bê tông bọt, bê tông khí không chưng áp, định mức khối xây cho các loại gạch không nung, quy trình thi công và nghiệm thu tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát chất lượng sản phẩm đưa vào công trình xây dựng.

Ngày 22/8/2014, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 1469/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng năm 2030, trong đó quy định cụ thể: lộ trình chấm dứt hoạt động của các loại lò sử dụng công nghệ lạc hậu ở các tỉnh đồng bằng, thành phố trực thuộc Trung ương; khu vực thị xã, thị tứ, khu vực gần khu dân cư, gần khu vực canh tác trồng lúa và hoa màu của các tỉnh còn lại chậm nhất phải chấm dứt hoạt động vào trước năm 2016 với lò thủ công, thủ công cải tiến và chậm nhất

vào trước năm 2018 đối với lò đứng liên tục, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Tùy theo điều kiện cụ thể, khuyến khích các địa phương chấm dứt hoạt động đối với các lò vòng không sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Các cơ sở sản xuất nằm ở khu vực các xã thuộc huyện miền núi của các tỉnh xây dựng lộ trình chấm dứt hoạt động chậm nhất hết năm 2017 với lò thủ công, thủ công cải tiến và chậm nhất vào năm 2020 với lò đứng liên tục.

Về đầu tư sản xuất VLXKN

Tính đến tháng 5/2016, tổng công suất thiết kế VLXKN đạt khoảng 7.330 triệu viên quy tiêu chuẩn (QTC)/năm, trong đó gạch bê tông 5.651 triệu viên QTC/năm, gạch AAC 1.334 triệu viên QTC/năm và gạch bê tông bọt, bê tông khí không chưng áp 345 triệu viên QTC/năm. Trong năm 2015, sản xuất và tiêu thụ đạt 5.455 triệu viên QTC/năm, đạt 23,76% tổng nhu cầu vật liệu xây (22.955 triệu viên QTC), trong đó gạch bê tông tiêu thụ 4.905 triệu viên QTC, gạch AAC 350 triệu viên QTC và gạch bê tông bọt, bê tông khí không chưng áp là 200 triệu viên QTC.

Đến nay, tổng số dây chuyền sản xuất gạch bê tông đã được đầu tư trong cả nước là 2.122 dây chuyền với tổng công suất thiết kế khoảng 5.651 triệu viên QTC/năm, trong đó có 144 dây chuyền với tổng công suất 3.004 triệu viên QTC/năm, với công suất thiết kế 1 dây chuyền từ 10 đến 56 triệu viên QTC/năm. Đây là những dây chuyền có trình độ công nghệ đạt mức độ tiên tiến, chất lượng sản phẩm được kiểm soát và đạt quy chuẩn kỹ thuật. Số còn lại là công suất nhỏ dưới 10 triệu viên QTC/năm, phổ biến là dưới 3 triệu viên QTC/năm (với loại quy mô nhỏ, chất lượng sản phẩm khó kiểm soát, thường không ổn định và không có chứng nhận hợp quy).

Về gạch AAC, có 16 dây chuyền công suất từ 100.000 đến 200.000 m³/năm đã được đầu tư, tuy nhiên mới

chỉ có 12 dây chuyền với tổng công suất thiết kế 2.000.000 m³/năm, tương đương 1.334 triệu viên QTC/năm đi vào sản xuất. Do nhiều nguyên nhân, việc sản xuất và tiêu thụ gạch AAC hết sức khó khăn. Năm 2015, sản xuất và tiêu thụ chỉ đạt 26,3% công suất thiết kế.

Về gạch bê tông bọt, đã có 32 cơ sở được đầu tư (gồm 34 dây chuyền, công suất mỗi dây chuyền từ 4.000-12.000 m³/năm) với tổng công suất thiết kế 518.000 m³/năm, tương đương 345 triệu viên QTC/năm. Sản lượng sản xuất 2015 đạt khoảng 200 triệu viên QTC/năm, chiếm 58% công suất thiết kế.

Có thể khẳng định, Chương trình 567 là chương trình hết sức cần thiết, đúng hướng và có ý nghĩa to lớn trong việc phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng bền vững. Chương trình đã mở ra rất nhiều cơ hội cho doanh nghiệp trong đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Những thách thức

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm VLXKN ở Việt Nam còn tồn tại một số thách thức không nhỏ. *Một là*, dây chuyền sản xuất sản phẩm gạch không nung đa phần có công suất nhỏ, công nghệ còn lạc hậu nên việc kiểm soát chất lượng sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn. *Hai là*, thị hiếu và thói quen sử dụng gạch đất sét nung của người tiêu dùng vẫn còn phổ biến, nhu cầu sử dụng gạch đất sét nung còn cao, việc tuyên truyền vận động sử dụng VLXKN cho người dân chưa phát huy hiệu quả, chưa có chế tài bắt buộc sử dụng VLXKN đối với các công trình sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách... *Ba là*, công tác đào tạo cho các đối tượng là cán bộ quản lý, nhà đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công, cán bộ kỹ thuật, công nhân vận hành dây chuyền thiết bị sản xuất VLXKN chưa được quan tâm đúng

mức, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và đưa các sản phẩm VLXKN vào các công trình xây dựng. *Bốn là*, kích thước, hình dáng, trọng lượng sản phẩm chưa phù hợp, mẫu mã chưa đa dạng, chất lượng sản phẩm của các dây chuyền sản xuất quy mô nhỏ chưa được kiểm soát chặt chẽ, chất lượng chưa ổn định... là những yếu tố bất lợi trong thi công, cản trở việc đưa sản phẩm vào công trình xây dựng.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, thiết nghĩ cần có sự vào cuộc quyết liệt của các bộ/ngành, địa phương và của toàn xã hội. Theo đó, để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm VLXKN, các nhà đầu tư cần phải đổi mới công nghệ, tối ưu hóa quy trình sản xuất, có biện pháp kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất... nhằm cho ra đời các sản phẩm VLXKN đảm bảo chất lượng, đa dạng về chủng loại và mẫu mã, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Bên cạnh đó, để thúc đẩy sản xuất và sử dụng VLXKN, việc xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm cũng là một phương thức tốt nhằm giúp người tiêu dùng tiếp cận với nguồn vật liệu mới, thân thiện với môi trường. Ngoài ra, việc đầu tư sản xuất VLXKN cũng cần phải có chiến lược phát triển bền vững, tránh đầu tư theo phong trào và quan trọng là phải có giá thành hợp lý thì mới có thể thu hút người tiêu dùng tin tưởng và sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng hiện tại và tương lai.

Có thể nói, việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất VLXKN góp phần vào việc tiết kiệm năng lượng trong các công trình xây dựng và tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất sét), tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, thủ công cải tiến là nhu cầu thiết yếu trong bối cảnh hiện nay, góp phần quan trọng vào việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành xây dựng Việt Nam.